

Đ/c Danh

UBND TỈNH LÂM ĐỒNG
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Số: 4206/HD-SNN

Lâm Đồng, ngày 04 tháng 7 năm 2016

HƯỚNG DẪN

Tạm thời về Tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

Căn cứ Quyết định số 575/QĐ-TTg ngày 04/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Quy hoạch tổng thể khu và vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg ngày 25/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;

Căn cứ văn bản số 2613/BNN-KHCN ngày 04/4/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Căn cứ Quyết định số 2598/QĐ-UBND ngày 01/12/2014 của UBND tỉnh Lâm Đồng quy định tạm thời tiêu chí sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đối với một số cây trồng, vật nuôi chủ lực trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

Thực hiện văn bản số 117/UBND-NN ngày 08/01/2016 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc thực hiện Quyết định 66/2015/QĐ-TTg ngày 25/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ. Sở Nông nghiệp & PTNT đã gửi dự thảo Hướng dẫn tạm thời về tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đến các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố để lấy ý kiến.

Sau khi tổng hợp ý kiến của các Sở ngành, địa phương, đơn vị. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn tạm thời về Tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng như sau:

I. Phạm vi và đối tượng áp dụng

- 1. Phạm vi áp dụng: Hướng dẫn về tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.
- 2. Đối tượng áp dụng: cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại tỉnh Lâm Đồng.

II. Tiêu chí xác định vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

Vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao là vùng sản xuất tập trung, ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp để sản xuất một hoặc một số sản phẩm nông sản hàng hóa có lợi thế của vùng bảo đảm đạt năng suất, chất lượng cao, giá trị gia tăng cao và thân thiện với môi trường theo quy định của pháp luật. Vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đáp ứng các tiêu chí sau:

1. Tổ chức sản xuất và tiêu thụ sản phẩm liên kết theo chuỗi giá trị; có tổ chức đầu mối của vùng là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong vùng ký hợp đồng thực hiện liên kết theo chuỗi giá trị trong sản xuất nông nghiệp của vùng:

a. Có doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong vùng cung ứng vật tư nông nghiệp, sản xuất, thu gom, chế biến và tiêu thụ sản phẩm cho nông dân.

b. Tối thiểu 50% sản phẩm trong vùng sản xuất được doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tiêu thụ thông qua hợp đồng.

2. Sản phẩm sản xuất trong vùng là sản phẩm hàng hóa có lợi thế của vùng; sản xuất đạt tiêu chuẩn chất lượng và có giá trị kinh tế cao:

a. Giống cây trồng, vật nuôi, giống thủy sản có năng suất, chất lượng cao và khả năng chống chịu vượt trội.

b. 100% diện tích trong vùng sản xuất đạt chứng nhận an toàn, VietGAP, VietGAHP, GlobalGAP, Organik, 4C, UTZ, Rainforest hoặc sử dụng nhãn hiệu chứng nhận “hoa Đà Lạt” đối với cây hoa.

c. Năng suất hoặc giá trị sản phẩm trong vùng sản xuất cao hơn từ 30% trở lên so với năng suất hoặc giá trị sản phẩm bình quân chung toàn tỉnh.

3. Công nghệ ứng dụng trong sản xuất cây trồng, chăn nuôi, thủy sản:

3.1 Công nghệ ứng dụng trong sản xuất cây trồng: 100% doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác và có ít nhất 90% nông hộ sản xuất trong vùng áp dụng được ít nhất 03/09 tiêu chí công nghệ sau:

a. Sử dụng hệ thống nhà kính hoặc nhà lưới.

b. Cơ giới hóa trong khâu làm đất, lên luống.

c. Ứng dụng công nghệ sinh học (nuôi cấy mô thực vật, bioreactor, ...) trong sản xuất giống.

d. Ứng dụng công nghệ sinh học (sử dụng thiên địch ký sinh, bắt mồi) trong phòng trừ dịch hại cây trồng.

e. Ứng dụng công nghệ thông tin điều khiển nhiệt độ, độ ẩm, cường độ, thời gian chiếu sáng.

f. Sử dụng hệ thống tưới phun mưa hoặc tưới nhỏ giọt, tưới phun sương, tưới thấm có thiết bị điều khiển tự động.

g. Sử dụng hệ thống phun thuốc phòng trừ dịch bệnh tự động hoặc bán tự động.

h. Sử dụng hệ thống canh tác không dùng đất (thủy canh, khí canh, giá thể).

k. Áp dụng các công nghệ trong khâu thu hoạch, phân loại sản phẩm, bảo quản, chế biến nông sản (Sử dụng máy móc để thu hoạch, phân loại sản phẩm; công nghệ chiếu xạ, xử lý hơi nước nóng, sấy lạnh, bao gói khí quyển kiểm soát, tạo màng trong bảo quản nông sản; công nghệ chế biến sâu; sử dụng chế phẩm sinh học và các chất màu, chất phụ gia thiên nhiên trong bảo quản và chế biến nông sản).

3.2 Công nghệ ứng dụng trong chăn nuôi: 100% doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại và có ít nhất 90% nông hộ chăn nuôi trong vùng áp dụng được ít nhất 03/05 tiêu chí công nghệ sau:

a. Hệ thống chuồng trại, kho, thiết bị chăn nuôi và quy trình chăn nuôi áp dụng theo Quyết định số 4653/QĐ-BNN-CN ngày 10/11/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b. Sử dụng hệ thống phun sương hoặc các biện pháp làm mát chuồng trại.

c. Sử dụng hệ thống máng ăn và cung cấp nước uống tự động.

d. Áp dụng cơ giới hóa trong các khâu làm đất trồng cỏ, thu hoạch, vận chuyển cỏ và chế biến, phối trộn thức ăn (áp dụng đối với chăn nuôi bò sữa, bò thịt).

đ. Sử dụng máy vắt sữa hoặc hệ thống vắt sữa tập trung (áp dụng đối với chăn nuôi bò sữa).

3.3 Công nghệ ứng dụng trong nuôi cá nước lạnh: 100% doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác và có ít nhất 90% nông hộ nuôi cá nước lạnh trong vùng áp dụng được 02/02 tiêu chí công nghệ sau:

a. Sử dụng mái che hoặc lưới để giảm cường độ chiếu sáng khu vực nuôi.

b. Nuôi trong ao nước chảy phải có lót bạt; nuôi trong bể xi măng, bể nhựa composite tái sử dụng nguồn nước đầu nguồn từ ao này sang ao khác không quá 05 lần hoặc nuôi lồng bè trong hồ chứa.

4. Bảo vệ môi trường trong canh tác nông nghiệp:

a. 100% chất thải nông nghiệp phải được thu gom, xử lý theo đúng quy định về bảo vệ môi trường. Đối với chất thải nông nghiệp là bao bì chứa hóa chất độc hại hoặc sản phẩm hóa chất độc hại phải được thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại.

b. 100% nông hộ sản xuất trong vùng không sử dụng các loại phân bón từ xác bã động thực vật chưa qua xử lý.

c. Có phương án và thực hiện tốt công tác trồng cây xanh trên bờ lô, bờ thửa, dải phân cách; cây che bóng trong vùng sản xuất.

5. Cơ sở hạ tầng kỹ thuật:

a. Giao thông: thuận lợi cho các loại xe cơ giới đi lại vận chuyển hàng hóa phục vụ sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, cụ thể:

- Đường trục lộ chính vào vùng sản xuất được nhựa hóa hoặc bê tông hóa 100% và đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT.

- Đường giao thông nội đồng được cứng hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT và với tỷ lệ $\geq 70\%$.

b. Thủy lợi:

- Hệ thống tưới (công trình thủy lợi, ao hồ, sông suối, ...) đáp ứng tối thiểu 80% yêu cầu sản xuất hàng hóa.

- Nước tưới: 100% diện tích được tưới của vùng sử dụng nguồn nước đảm bảo theo quy định, nguồn nước phải đảm bảo tiêu chuẩn nước dùng trong sản xuất nông nghiệp (không nhiễm quá giới hạn về kim loại nặng và vi sinh vật gây hại).

- Có ít nhất 80% diện tích được cơ giới hóa trong khâu nước tưới. Trong đó, tối thiểu 70% diện tích đối với cây rau, hoa, cây dược liệu và ít nhất có 30% diện tích đối với cây dài ngày sử dụng hệ thống tưới tiết kiệm nước.

- Tiêu thoát nước: Đảm bảo hệ thống tiêu úng bằng hệ thống kênh mương thoát nước.

c. Điện:

- Đáp ứng 100% nhu cầu sản xuất nông nghiệp của vùng.
- Có sử dụng các thiết bị tiết kiệm điện trong sản xuất.

6. Vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao là vùng chuyên canh, diện tích liền vùng, liền thửa trong địa giới hành chính của huyện/thành phố. Quy mô của vùng theo đối tượng cây trồng, vật nuôi, thủy sản như sau:

- Sản xuất hoa diện tích tối thiểu là 50 ha;
- Sản xuất rau an toàn diện tích tối thiểu là 100 ha;
- Sản xuất giống lúa diện tích tối thiểu là 100 ha;
- Nhân giống và sản xuất nấm ăn, nấm dược liệu diện tích tối thiểu là 5 ha;
- Cây ăn quả lâu năm diện tích tối thiểu là 300 ha;
- Cây công nghiệp lâu năm (chè, cà phê, hồ tiêu) diện tích tối thiểu là 300 ha;
- Thủy sản: Sản xuất giống diện tích tối thiểu là 20 ha; nuôi thương phẩm diện tích tối thiểu là 200 ha;
- Chăn nuôi bò sữa số lượng tối thiểu là 10.000 con/năm; bò thịt tối thiểu 20.000 con/năm;
- Chăn nuôi lợn thịt số lượng tối thiểu là 40.000 con/năm; lợn giống (lợn nái) tối thiểu 2.000 con/năm;
- Chăn nuôi gia cầm số lượng tối thiểu là 50.000 con/lứa.

III. Cơ chế, chính sách hỗ trợ vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

- Chính sách vận dụng để hỗ trợ đối với vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại Quyết định 1895/QĐ-TTg ngày 17/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thuộc Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020.
- Các cơ chế chính sách thu hút đầu tư của tỉnh Lâm Đồng.
- Chính sách phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ của tỉnh.
- Chính sách hỗ trợ áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt VietGAP trong nông nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.
- Chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể (Hợp tác xã, Tổ hợp tác), kinh tế trang trại.
- Chính sách hỗ trợ phát triển thị trường, đăng ký thương hiệu, nhãn hiệu sản phẩm.
- Đề án chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2016-2020.
- Chính sách tín dụng phát triển nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ.

IV. Thẩm quyền công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng là cơ quan có thẩm quyền quyết định công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

V. Trình tự, thủ tục công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

1. Tổ chức đầu mối của vùng lập hồ sơ đề nghị công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Sở Nông nghiệp &PTNT Lâm Đồng theo địa chỉ: tầng 4, Trung tâm hành chính, 36 Trần Phú, Đà Lạt. Số bộ hồ sơ 10 bộ, trong đó 01 bộ hồ sơ gốc và 09 bộ hồ sơ bản sao. Thành phần hồ sơ bao gồm:

a. Đơn đề nghị công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (Mẫu B1 kèm theo).

b. Bản thuyết minh vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (Mẫu B2 kèm theo).

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Nông nghiệp &PTNT Lâm Đồng có trách nhiệm kiểm tra và thông báo bằng văn bản cho tổ chức đề nghị công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao về tính hợp lệ của hồ sơ. Thời gian bổ sung, sửa đổi hồ sơ là 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản thông báo.

3. Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hợp lệ, Sở Nông nghiệp &PTNT Lâm Đồng thành lập tổ thẩm định hồ sơ và kiểm tra thực tế (nếu cần thiết), bao gồm 7 - 9 thành viên (Tổ trưởng là đại diện lãnh đạo Sở Nông nghiệp &PTNT, Thư ký Tổ thẩm định là chuyên viên Sở Nông nghiệp &PTNT, đại diện Sở KH&ĐT, Sở KH&CN, Sở TN&MT, Sở GTVT và đại diện các đơn vị, chuyên gia có liên quan). Nếu kết quả thẩm định đáp ứng các tiêu chí quy định tại mục II, Sở Nông nghiệp &PTNT tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Trường hợp không đáp ứng các tiêu chí quy định, Sở Nông nghiệp &PTNT thông báo bằng văn bản cho tổ chức đề nghị công nhận.

VI. Thu hồi Quyết định công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng ra quyết định thu hồi đối với vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao không còn đáp ứng một trong các tiêu chí quy định tại mục II của Hướng dẫn này. Trình tự, thủ tục thu hồi quyết định công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao như sau:

1. Khi phát hiện tổ chức đã được công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (gọi tắt là tổ chức) vi phạm sai lỗi về tiêu chí vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Sở Nông nghiệp &PTNT thông báo cho tổ chức giải trình lý do và có biện pháp khắc phục sai lỗi; thời gian giải trình và khắc phục sai lỗi trong 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Sở Nông nghiệp &PTNT.

2. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Sở Nông nghiệp &PTNT, nếu tổ chức không có văn bản giải trình thì Sở Nông nghiệp &PTNT tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thu hồi Quyết định công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

3. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản giải trình hợp lệ của tổ chức, Sở Nông nghiệp & PTNT Lâm Đồng phối hợp với các Sở chuyên ngành, các cơ quan liên quan xem xét văn bản giải trình và thực địa của vùng. Kết quả kiểm tra là cơ sở để Sở Nông nghiệp & PTNT trình Ủy ban nhân dân tỉnh thu hồi Quyết định công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

VII. Hiệu lực của quyết định công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

Quyết định công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao có hiệu lực 05 năm (năm năm) kể từ ngày ký.

VIII. Trình tự, thủ tục công nhận lại vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định công nhận lại vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

2. Trước thời hạn Quyết định công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hết hiệu lực 45 ngày, tổ chức đăng ký phải làm hồ sơ đề nghị công nhận lại vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hồ sơ đề nghị công nhận lại vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao như hồ sơ đề nghị công nhận lần đầu.

3. Trình tự, thủ tục công nhận lại vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thực hiện như trình tự, thủ tục công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao lần đầu.

IX. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Lâm Đồng:

a. Là cơ quan đầu mối giúp UBND tỉnh quản lý, đôn đốc, kiểm tra, giám sát các tổ chức xây dựng và triển khai vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

b. Chủ trì thẩm định hồ sơ, trình UBND tỉnh công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Kiến nghị UBND tỉnh thu hồi quyết định công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao khi không còn đáp ứng một trong các tiêu chí của vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

c. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đã được UBND tỉnh công nhận.

d. Giới thiệu các nhà đầu tư có tiềm lực về sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoạt động vào vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

e. Định kỳ 6 tháng một lần hoặc đột xuất theo yêu cầu báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh và những vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Đà Lạt, Bảo Lộc:

a. Lập kế hoạch xây dựng và phát triển vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn huyện/thành phố.

b. Cân đối nguồn ngân sách địa phương và lồng ghép nguồn vốn các chương trình, dự án đầu tư phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn để xây dựng và phát triển vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại địa phương.

c. Chỉ đạo các phòng ban chuyên môn hỗ trợ các tổ chức xây dựng và phát triển vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đối với từng loại cây trồng, vật nuôi, thủy sản tại địa phương.

d. Trực tiếp quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của những vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đã được công nhận tại địa phương.

e. Định kỳ 6 tháng một lần (20/5 và 15/12 hàng năm) hoặc đột xuất báo cáo về tình hình và kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp &PTNT để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trên đây là một số nội dung hướng dẫn tạm thời về Tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị các địa phương, tổ chức phản ánh về Sở Nông nghiệp &PTNT để phối hợp giải quyết. /

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (B/c);
- Các Sở TN&MT, GTVT; KH&ĐT, KH&CN;
- Lãnh đạo Sở NN&PTNT;
- UBND các huyện, t.p Bảo Lộc, Đà Lạt;
- Lưu VT, TT.



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Sơn

Mẫu B1: Mẫu đơn đề nghị công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN
VÙNG NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Lâm Đồng.

- Tên tổ chức đăng ký:.....
- Tên người đứng đầu tổ chức:.....
- Địa chỉ tổ chức đăng ký:.....
- Số điện thoại:..... Fax:..... Email:.....

Căn cứ Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg, ngày 25/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ Quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Căn cứ văn bản số: /SNN-TT ngày tháng năm 2016 của Sở Nông nghiệp & PTNT Lâm Đồng về Hướng dẫn tạm thời tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; (tên tổ chức) xin đăng ký công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, cụ thể như sau:

1. Tên Doanh nghiệp/ Tổ chức đại diện:.....
 - Tên viết tắt (nếu có):
 - Tên giao dịch: bằng tiếng nước ngoài (nếu có):
 - Địa chỉ:.....
 - Số điện thoại:..... Fax:.....
 - Lĩnh vực sản xuất kinh doanh:

2. Tên vùng sản xuất nông nghiệp đề nghị công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao:

- Số lượng tổ chức thuộc vùng:

3. Hồ sơ kèm theo: Bản thuyết minh vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

4. Phân cam đoan:

Chúng tôi xin cam đoan những thông tin trên đây là đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm về các nội dung đã khai trong đơn đề nghị công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Nếu được công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chúng tôi xin cam kết hoạt động đúng theo quy định của pháp luật, đúng nội dung đề nghị và chịu trách nhiệm về mọi hành vi của mình trước pháp luật.

Kính đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét tham mưu UBND tỉnh ra quyết định công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Ngày tháng năm 20...

TỔ CHỨC ĐẠI DIỆN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

Mẫu B2: Báo cáo thuyết minh vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BÁO CÁO THUYẾT MINH
VÙNG NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO**

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đề nghị công nhận

- Tên Vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đề nghị công nhận:.....

.....
- Tên viết tắt (nếu có):.....

- Tên giao dịch bằng tiếng nước ngoài (nếu có):.....

- Địa chỉ:.....

- Lĩnh vực sản xuất nông nghiệp:

- Số lượng tổ chức/cá nhân sản xuất kinh doanh thuộc vùng:.....

(Thông tin cụ thể từng Tổ chức/cá nhân sản xuất kinh doanh thuộc vùng tại

Phụ lục kèm theo)

2. Tên tổ chức đại diện:

- Tên viết tắt (nếu có):

- Tên giao dịch: bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

- Địa chỉ trụ sở:

- Số điện thoại: Fax:

- Đại diện doanh nghiệp: (Họ và tên)....., chức vụ.....

- Lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp: *(Nếu tóm tắt lĩnh vực đăng ký hoạt*

động của doanh nghiệp)

- Giấy phép đăng ký kinh doanh số:....., ngày cấp:....., Cơ quan cấp:.....

3. Tên tổ chức/cá nhân sản xuất kinh doanh 2:

- Tên viết tắt (nếu có):

- Tên giao dịch: bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

- Địa chỉ trụ sở:

- Số điện thoại: Fax:

- Đại diện doanh nghiệp: (Họ và tên)....., chức vụ.....

- Lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp: *(Nếu tóm tắt lĩnh vực đăng ký hoạt*

động của doanh nghiệp)

- Giấy phép đăng ký kinh doanh số:....., ngày cấp:.....

Cơ quan cấp:.....

4. Tên tổ chức/cá nhân sản xuất kinh doanh 3:.....

II. THUYẾT MINH SỰ ĐÁP ỨNG CÁC TIÊU CHÍ VÙNG NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO

1. Thuyết minh về phương thức tổ chức sản xuất và tiêu thụ sản phẩm liên kết theo chuỗi giá trị trong vùng, với các tổ chức đầu mối của vùng là doanh nghiệp,

hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong vùng ký hợp đồng thực hiện liên kết theo chuỗi giá trị trong sản xuất nông nghiệp của vùng.

(*thuyết minh và đưa ra minh chứng sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị trong vùng*).

2. Thuyết minh về sản phẩm sản xuất trong vùng:

(*thuyết minh về các giống cây trồng, vật nuôi, giống thủy sản có năng suất, chất lượng cao và khả năng chống chịu vượt trội/Sản phẩm nông lâm thủy sản có giá trị gia tăng, hiệu quả kinh tế cao, chất lượng đạt tiêu chuẩn quốc tế, khu vực hoặc quốc gia kèm theo các minh chứng*).

3. Công nghệ ứng dụng trong vùng:

(*nêu và mô tả các công nghệ ứng dụng trong sản xuất tại vùng, quy mô ứng dụng, tính tiên tiến của công nghệ, hiệu quả của việc ứng dụng công nghệ trong việc nâng cao giá trị sản phẩm, tăng năng suất lao động kèm theo các minh chứng*).

4. Thuyết minh về sự phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất nông nghiệp của ngành và địa phương, tính chuyên canh của vùng sản xuất hàng hóa, tính liên vùng, liên thửa, điều kiện tự nhiên, cơ sở hạ tầng kỹ thuật về giao thông, thủy lợi hiện tại của vùng.

(*thuyết minh và đưa ra các văn bản, giấy tờ để minh chứng cho việc đáp ứng tiêu chí này*).

5. Thuyết minh về quy mô vùng:

(*nêu rõ đối tượng sản xuất và quy mô sản xuất về diện tích đối với các sản phẩm trồng trọt và nuôi thủy sản; số lượng đầu con đối với sản phẩm chăn nuôi*).

6. Về việc áp dụng biện pháp thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng và quản lý chất lượng:

(*Nêu tóm tắt các biện pháp thân thiện với môi trường, biện pháp tiết kiệm năng lượng và quản lý chất lượng, kèm theo các minh chứng*).

7. Định hướng phát triển của vùng trong thời gian tới:

(*Nêu tóm tắt định hướng phát triển của vùng trong 5 năm tới liên quan đến sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao*).

8. Các hoạt động khác (nếu có):

III. TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ ĐỀ NGHỊ

1. Tự đánh giá:

(*Tổ chức đăng ký tự đánh giá đã đáp ứng đủ điều kiện để công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hay chưa*).

2. Đề nghị:

(*Đề nghị về việc xem xét công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và những đề nghị khác - nếu có*).

Ngày tháng năm 20.....

TỔ CHỨC ĐẠI DIỆN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN

(*Họ tên, chữ ký, đóng dấu*)

Phụ lục (kèm theo thuyết minh):
DANH SÁCH TỔ CHỨC, CÁ NHÂN SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG
VÙNG NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO
ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN

1. Tên tổ chức/cá nhân sản xuất kinh doanh 1:
 - Tên viết tắt (nếu có):
 - Tên giao dịch: bằng tiếng nước ngoài (nếu có):
 - Địa chỉ trụ sở:
 - Số điện thoại: Fax:
 - Đại diện doanh nghiệp: (Họ và tên)....., chức vụ.....
 - Lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp: *(Nếu tóm tắt lĩnh vực đăng ký hoạt động của doanh nghiệp)*.
 - Giấy phép đăng ký kinh doanh số:....., ngày cấp:.....Cơ quan cấp:
2. Tên tổ chức/cá nhân sản xuất kinh doanh 2:
 - Tên viết tắt (nếu có):
 - Tên giao dịch: bằng tiếng nước ngoài (nếu có):
 - Địa chỉ trụ sở:
 - Số điện thoại: Fax:
 - Đại diện doanh nghiệp: (Họ và tên)....., chức vụ.....
 - Lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp: *(Nếu tóm tắt lĩnh vực đăng ký hoạt động của doanh nghiệp)*
 - Giấy phép đăng ký kinh doanh số:....., ngày cấp:.....Cơ quan cấp:.....
3. Tên tổ chức/cá nhân sản xuất kinh doanh 3:
.....
.....

Phụ lục: (kèm theo thuyết minh):
(Các văn bản minh chứng liên quan đến các nội dung kê khai của Thuyết minh)